

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Y
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2022/HS-ST
Ngày 08-11-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Dung

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lương Ngọc Biên

Bà Đinh Thị Thu Huyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Linh Chi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Y, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:
Ông Mè Văn Hội- Kiểm sát viên.

Trong ngày 08/11/2022 tại điểm cầu trung tâm Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang; điểm cầu thành phần Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang.

Tòa án nhân dân huyện Y xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 33/2022/TLST-HS ngày 20/5/2022 theo Q định đưa vụ án ra xét xử số 38/2022/QĐXXST- HS ngày 27/5/2022 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Văn S**, sinh năm 1992; tên gọi khác: không; Nơi đăng ký HKTT và nơi ở: Thôn L, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 8/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn S1, sinh năm 1973 và bà: Triệu Thị H1, sinh năm 1975; vợ, con: Chưa có.

- Tiền án:

+ Bản án số 09 ngày 30/01/2015, Tòa án nhân dân huyện Y xử phạt Nguyễn Văn S 05 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong bản án tháng 4/2015.

+ Bản án số 81, ngày 24/9/2015, Tòa án nhân dân huyện Y xử phạt 10 tháng tù về tội “Lạm dụng tín Nệm chiếm đoạt tài sản”. Chấp hành xong bản án ngày 05/10/2021.

+ Bản án số 167, ngày 13/11/2018, Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Chấp hành xong bản án ngày 22/9/2019;

- Tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt khẩn cấp, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/9/2021 đến nay, hiện Đ2g tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang. Có mặt.

2. Họ và tên: **Lương Thành Đ**, sinh năm 1998; tên gọi khác: không; Nơi đăng ký HKTT và nơi ở: Thôn A, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lương Văn Đ1, sinh năm 1975 và bà Thân Thị H, sinh năm 1978; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 09/3/2022 đến nay, hiện Đ2g tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang. Có mặt.

3. Họ và tên: **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1998; tên gọi khác: không; Nơi đăng ký HKTT và nơi ở: Thôn A, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn N (đã chết) và bà Dương Thị L, sinh năm 1967; có vợ: Nguyễn Thị H1, sinh năm 1999 và 01 con sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 09/3/2022 đến nay, hiện Đ2g tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang. Có mặt.

4. Họ và tên: **Nguyễn Dương Thành C**, sinh năm 1990; tên gọi khác: không; Nơi đăng ký HKTT và nơi ở: Thôn T, xã N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Xuân V, sinh năm 1952 và bà Dương Thị L2, sinh năm 1960; có vợ: Giáp Thị L1, sinh năm 1990 (đã ly hôn) và 02 con, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 09/3/2022 đến nay, hiện Đ2g tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Dương Thành C*: Bà Dương Thị H2, Luật sư Công ty Luật TNHH T, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; địa chỉ: Số 59, ngõ 193, đường T, PH1 Y, quận C, thành phố Hà Nội. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Anh Thân Văn H, sinh năm 1987. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn TC, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang

2. PH Thị H3, sinh năm 2002. Vắng mặt

Nơi ĐKHKTT: Thôn V, xã P, huyện B, thành phố Hà Nội

Nơi ở hiện nay: Thôn TC, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang

3. Nguyễn Hoàng Thiên N, sinh năm 2002. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện G, tỉnh Nam Định.

4. Chu Hoài T4, sinh năm 2002. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn TM, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang

5. Trần Thị Tâm Đ4, sinh năm 1998. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang

6. Lục Thị D3, sinh năm 1997. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn M, xã G, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

7. Nguyễn Văn Q, sinh năm 1999. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Q, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D3 vụ án được tóm tắt như sau:

Lương Thành Đ, sinh năm 1998; Nguyễn Văn D, sinh năm 1998, đều ở Thôn A, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; Nguyễn Dương Thành C, sinh năm 1990, ở Thôn T, xã N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang có mối quan hệ bạn bè quen biết với nhau. Buổi tối ngày 09/9/2021, Đ, C và D rủ nhau góp tiền cùng thuê nhà nghỉ và mua ma túy về để cùng nhau sử dụng (hay còn gọi là "bay sập"). Khoảng 22 giờ 30 phút, cả ba cùng nhau đến nhà nghỉ thuộc Thôn L, xã T, huyện Y của anh Thân Văn H, sinh năm 1987, ở thôn TC, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang gặp Nguyễn Văn S, sinh năm 1992, ở Thôn L, xã T, huyện Y, hiện Đ2g là nhân viên quản lý và phục vụ quán cho anh H rồi đặt vấn đề thuê phòng để dùng ma túy "bay sập", và nhờ S nhận ma túy của một người do Đ, C và D đã đặt mua gồm 03 viên kẹo (loại ma túy tổng hợp MDMA) và 02 chỉ ke (loại ma túy Ketamin) lên phòng cho Đ, C và D. Biết Đ, C và D thuê phòng để sử dụng ma túy, nhưng S vẫn đồng ý và bảo nhóm của Đ lên phòng 403 của nhà nghỉ.

Sau khi thuê được phòng, C gọi điện thoại cho PH Thị H3, sinh năm 2002, ở thôn V, xã P, huyện B, thành phố Hà Nội (hiện Đ2g trọ ở tại thôn TC, xã T, huyện Y) là người C quen đến nhà nghỉ phục vụ nhóm của C sử dụng ma túy, còn Đ nhờ S gọi giúp 02 nhân viên đến nhà nghỉ phục vụ nhóm của Đ chơi ma túy. Được Đ nhờ, S đã gọi Nguyễn Hoàng Thiên N, sinh năm 2002, ở thôn N, xã G, huyện GT, tỉnh Nam Định (hiện Đ2g trọ tại phòng 202 của nhà nghỉ) và bảo N lên phòng 403 để phục vụ khách, rồi điện thoại cho Nguyễn Văn Q, sinh năm 1999, ở Thôn Q, xã T, huyện Y bảo Q gọi 01 nhân viên nữ đến quán phục vụ. Sau đó Q bảo Chu Hoài T4, sinh năm 2002, ở Thôn TM, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang (hiện Đ2g ở trọ tại tổ dân phố M, thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang) đến phục vụ cho nhóm của Đ cùng sử dụng ma túy. Sau khi vào phòng 403 nhà nghỉ, một lúc sau, S cầm gói ma túy lên đưa cho D, D cầm gói ma túy để lên trên bàn trong phòng rồi lấy 02 viên ma túy tổng hợp (kẹo) đưa cho C, còn 01 viên để lại trên bàn đợi nhân viên đến sẽ sử dụng. C cầm 02 viên ma túy "kẹo" D vừa đưa rồi đưa cho Đ 01 viên, rồi C, Đ mỗi người bẻ 01 viên ma túy rồi dùng một nửa, còn một nửa để lên bàn để các nhân viên đến sử dụng.

Khoảng 10 phút sau, Nguyễn Hoàng Thiên N, PH Thị H3 và Chu Hoài T4 lần lượt đến phòng 403 gặp Đ, D và C. Lúc này, D và T cùng dùng C 01 viên ma túy "kẹo" trước đó D để lại, H1 sử dụng ½ viên ma túy "kẹo" của C để lại và N dùng ½ viên ma túy "kẹo" của Đ để lại. Sau khi dùng ma túy "kẹo" xong, N hơi nóng đĩa sứ,

Đỗ ma túy "ke" lên và dùng thẻ ATM đảo qua lại cho mịn (còn gọi là "xào ke") rồi chia "ke" trên đĩa sứ thành từng đường kẻ để các đối tượng cùng sử dụng. Sau khi "ke" được "xào" xong thì các đối tượng Lương Thành Đ, Nguyễn Văn D, Nguyễn Dương Thành C, PH Thị H3, Chu Hoài T4 và Nguyễn Hoàng Thiên N lần lượt sử dụng ống hút được quấn tròn thành dạng ống bằng tờ tiền polime mệnh giá 10.000 đồng và dùng mũi hít. Dùng ma túy "ke" xong, các đối tượng chia thành từng cặp Đ - N, C - H1, D - T cùng nằm trên giường nghe nhạc dưới đèn nháy. Trong khi cùng nghe nhạc, C tiếp tục đưa cho H1 gói ma túy loại "ke" còn lại đựng trong túi nilon để H1 tiếp tục "xào ke" và nhóm cùng dùng tiếp.

Đến hồi 02 giờ 30 phút ngày 10/9/2021, bị Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về Trật tự xã hội- Công an tỉnh Bắc Giang phát hiện đến bắt quả tang các đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy (BL 156)

Tang vật thu giữ tại phòng 403 bao gồm: 01 loa nhãn hiệu harman/kardon, màu đen; 01 đèn quay laser ánh sáng, 01 dây cáp nguồn cho đèn; 01 bình ga mini có gắn đầu khò nhãn hiệu MAX VINA; 01 đĩa sứ màu trắng mặt đĩa có bám dính chất tinh thể màu trắng; 01 ống hút được quấn từ tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng; 01 thẻ ngân hàng VPBank số 4541190113191024 (B1 161).

Thu giữ của Nguyễn Dương Thành C 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 promax màu xanh; Lương Thành Đ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12; Nguyễn Văn D 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS max; PH Thị H3 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS max, màu vàng; Chu Hoài T4 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS max, màu đen; Nguyễn Hoàng Thiên N 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu xám (BL 163).

Tiến hành kiểm tra các phòng tại nhà nghỉ, phát hiện tại phòng 303: có Trần Thị Tâm Đ4, sinh năm 1998, trú tại thôn Nam, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang và Lục Thị D3, sinh năm 1997, trú tại Thôn M, xã G, huyện L, tỉnh Bắc Giang có biểu hiện sử dụng ma túy. Thu giữ tại phòng 303: 01 loa nhãn hiệu harman/kardon, màu đen; 01 dây nguồn cho loa; 01 đèn (dạng đèn nháy) có chữ Power, màu đen; 01 dây cáp nguồn cho đèn; 01 bình ga nhãn hiệu MAX Butane, màu đỏ, có gắn mỏ khò nhãn hiệu FLAME GUN; 01 đĩa sứ màu trắng; 01 ống hút được quấn từ tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng. Tạm giữ của Lục Thị D3 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X màu đen, Trần Thị Tâm Đ4 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 màu trắng; (BL 160).

Tiến hành khám xét khẩn cấp nhà nghỉ, phát hiện thu giữ tại phòng 201 của Nhà nghỉ: 01 cân điện tử (loại cân tiểu ly); 01 túi nilon trong có chứa Nền túi nilon nhỏ có rãnh khóa bằng nhựa; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu hồng (B1 71-72).

Tiến hành test nhanh chất ma túy qua nước tiểu của Lương Thành Đ, Nguyễn Văn D, Nguyễn Dương Thành C, Nguyễn Hoàng Thiên N, Chu Hoài T4, PH Thị H3, Trần Thị Tâm Đ4 và Lục Thị D3 đều cho kết quả dương tính với chất ma túy (B1 164-169). Ngày 10/9/2021, cơ quan điều tra tiến hành thu giữ mẫu máu của

Nguyễn Dương Thành C, Nguyễn Văn D, Nguyễn Hoàng Thiên N, Lương Thành Đ, Chu Hoài T4, PH Thị H3 để phục vụ công tác điều tra.

Tại bản kết luận giám định số 1415/KL-KTHS ngày 11/9/2021, của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang, kết luận:

“- Trong một hộp cát tông ký hiệu <303> đã được niêm phong gửi giám định: Tinh thể màu trắng bám dính trên mặt 01 đĩa sứ hình tròn, màu trắng ***là ma túy, loại Ketamine (không xác định được khối lượng)***. Tinh thể màu trắng bám dính trên 01 ống hút được quấn bằng tờ tiền polyme mệnh giá 20.000 đồng (Hai mươi nghìn đồng) ***là ma túy, loại Ketamine (không xác định được khối lượng)***”:

- Trong một hộp cát tông ký hiệu <403> đã được niêm phong gửi giám định: Tinh thể màu trắng bám dính trên mặt 01 (một) đĩa sứ hình tròn, màu trắng ***là ma túy, loại Ketamine (không xác định được khối lượng)***. Tinh thể màu trắng bám dính trên 01 (Một) ống hút được quấn bằng tờ tiền polyme mệnh giá 10.000 đồng (Mười nghìn đồng) ***là ma túy, loại Ketamine (không xác định được khối lượng)***. Tinh thể màu trắng bám dính trên 01 (một) thẻ ngân hàng VpBank, 4541190113191024 ***là ma túy, loại Ketamine (không xác định được khối lượng)***. (BL 457-458)

Tại Bản kết luận giám định số 7033/C09-TT2 ngày 23/9/2011 của Viện Khoa học hình sự Bộ Công an, kết luận: ***“Tìm thấy chất ma túy Ketamine trong các mẫu ghi tên Nguyễn Dương Thành C, Nguyễn Văn D, Nguyễn Hoàng Thiên N, Lương Thành Đ và Chu Hoài T4 gửi giám định; Không tìm thấy các chất ma túy trong mẫu máu ghi tên PH Thị H3 gửi giám định”*** (BL 451)

Ngày 11/9/2021, Nguyễn Văn S bị bắt khẩn cấp về tội "Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy". Ngày 08/3/2022, Lương Thành Đ, Nguyễn Văn D và Nguyễn Dương Thành C bị bắt tạm giam về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

Trong vụ án này, đối với Thân Văn H là người thuê lại nhà nghỉ của ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1971, ở Thôn L, xã T, huyện Y và tiến hành sửa chữa để làm dịch vụ kinh doanh lưu trú. Trong thời gian sửa chữa, H đã bảo S đến trông coi, quản lý nhà nghỉ. Việc S cho các đối tượng thuê phòng 403 để sử dụng ma túy H khai không biết. Đối với Trần Thị Tâm Đ4 và Lục Thị D3, khi thuê phòng 303 thì Đ2 và D3 khai chỉ thuê phòng để nghỉ; H không biết các đối tượng thuê phòng để sử dụng ma túy. Ngoài lời khai, không có các chứng cứ khác, nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý hình sự đối với Thân Văn H. Tuy Nên, Thân Văn H chưa thực hiện việc đăng ký kinh doanh dịch vụ lưu trú theo quy định của pháp luật nhưng đã cho các đối tượng thuê phòng nghỉ phải bị xử lý, nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Y sẽ ban hành kiến nghị Công an huyện Y xử phạt hành chính sau.

Đối với Nguyễn Văn Q là người gọi Chu Hoài T4 đến nhà nghỉ, nhưng Q khai chỉ bảo T đến đó để phục vụ khách hát karaoke, không biết việc T đến đó để sử dụng ma túy trái phép, nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với Q.

Đối với số ma túy mà Lương Thành Đ, Nguyễn Văn D và Nguyễn Dương Thành C cùng các nhân viên nữ sử dụng tại phòng 403 của nhà nghỉ, các đối tượng khai là do Nguyễn Văn S cung cấp. Nhưng S không thừa nhận. Cơ quan Cảnh sát

điều tra Công an huyện Y đã tiến hành đối chất giữa Lương Thành Đ, Nguyễn Văn D và Nguyễn Dương Thành C với Nguyễn Văn S nhưng không có kết quả. Ngoài lời khai không có chứng cứ khác nên không đủ căn cứ xử lý đối với S về hành vi mua bán trái phép chất ma túy, và hành vi cung cấp chất ma túy.

Đối với Chu Hoài T4, PH Thị H3 và Nguyễn Hoàng Thiên N có hành vi sử dụng ma túy tại phòng 403, H1, T, N chỉ sử dụng ma túy do nhóm của Đ cung cấp, không cung cấp chất ma túy cho người khác. Trần Thị Tâm Đ4 và Lục Thị D3 cùng nhau góp tiền và thuê phòng 303 của nhà nghỉ để sử dụng ma túy, quá trình sử dụng ma túy không có ai khác sử dụng cùng. Do đó, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý hình sự. Tuy nhiên, hành vi của T, N, H1, D3, Đ2 phải bị xử phạt hành chính. Viện kiểm sát nhân dân huyện Y sẽ ban hành văn bản kiến nghị Công an huyện Y ra Q định xử phạt vi phạm hành chính sau.

Đối với các tài sản thu giữ của Lục Thị D3 01 điện thoại di động, Trần Thị Tâm Đ4 01 điện thoại di động; PH Thị H3 01 điện thoại di động; 01 điện thoại di động của Chu Hoài T4; 01 chiếc điện thoại Iphone 6 của Nguyễn Hoàng Thiên N. D3, Đ2, H1, T đều khai, điện thoại bị thu giữ không liên quan đến vụ án, ngày 20/9/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y đã điện thoại nêu trên cho các chủ sở hữu (B1 81 a-b; 82 a-b; 83; 84 a-b).

Đối với chiếc cân tiểu ly; 01 túi nilon trong có chứa các túi nilon nhỏ có rãnh khóa và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 plus màu hồng thu tại phòng 201 nhà nghỉ, Thân Văn H khai chiếc điện thoại Iphone 7 plus là điện thoại của H dùng để liên lạc hằng ngày không liên quan đến hành vi phạm tội, chiếc cân tiểu ly và túi nilon bên trong có chứa các túi nilon nhỏ có rãnh khóa được thu trong gầm giường của phòng 201 không phải của H, H mới nhận thuê lại nhà nghỉ nên không biết từ đâu mà có.

Vật chứng gồm:

01 loa nhãn hiệu harman/kardon, màu đen, 01 dây nguồn cho loa, 01 (Một) đèn (dạng đèn nháy) có chữ Power, màu đen, 01 dây cáp nguồn cho đèn, 01 bình ga nhãn hiệu MAX Butane, màu đỏ, có gắn mỏ khò nhãn hiệu FLAME GUN, 01 đĩa sứ màu trắng, 01 ống hút được quấn từ tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng thu tại phòng 303 của nhà nghỉ; 01 loa nhãn hiệu harman/kardon, màu đen, 01 đèn quay laser ánh sáng, 01 dây cáp nguồn cho đèn, 01 bình ga mi ni có gắn đầu khò nhãn hiệu MAX VINA, 01 đĩa sứ màu trắng mặt đĩa có bám dính chất tinh thể màu trắng, 01 ống hút được quấn từ tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng, 01 thẻ ngân hàng VPBank số 4541190113191024 thu tại phòng 403 của nhà nghỉ; 01 cân điện tử (loại cân tiểu ly), 01 túi ni lon trong có chứa các túi nhựa có rãnh khóa bằng nhựa, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu hồng thu tại phòng 201 của nhà nghỉ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 màu xanh của Lương Thành Đ, 01 căn cước công dân số 024098001183 của Nguyễn Văn D và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS max của Nguyễn Văn D, 01 căn cước công dân số 066090002630 của Nguyễn Dương Thành C và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 promax của Nguyễn Dương Thành C; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu xám của Nguyễn

Hoàng Thiên N được chuyển đến kho vật chứng của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y để xử lý theo pháp luật.

Tại cơ quan điều tra Nguyễn Văn S, Lương Thành Đ, Nguyễn Văn D, Nguyễn Dương Thành C đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Bản cáo trạng số 32/CT-VKSYD ngày 17/5/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang truy tố bị cáo Nguyễn Văn S về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm d, đ khoản 2 Điều 256 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Lương Thành Đ, Nguyễn Văn D và Nguyễn Dương Thành C về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự.

- Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản Cáo trạng đã truy tố.

Chủ tọa phiên tòa công bố lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa. Các bị cáo không có ý kiến gì về lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

- Qua thẩm vấn tại phiên tòa, kiểm sát viên phát biểu lời luận tội vẫn giữ nguyên cáo trạng đã truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về trách Nệm hình sự:

Áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 256; điểm s, p khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn S.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Lương Thành Đ, Nguyễn Văn D.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với Nguyễn Dương Thành C.

Xử phạt:

+ Nguyễn Văn S từ 07 năm 6 tháng đến 07 năm 9 tháng tù về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”. Thời gian tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam 11/9/2021.

+ Lương Thành Đ từ 07 năm 3 tháng đến 07 năm 6 tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Thời gian tù tính từ ngày bắt tạm giam 09/3/2022.

+ Nguyễn Văn D, Nguyễn Dương Thành C, mỗi bị cáo 07 năm đến 7 năm 3 tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, thời gian tù tính từ ngày bắt tạm giam 09/3/2022.

Ngoài ra, còn đề nghị xử lý vật chứng và án phí.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì.

- Luật sư Dương Thị H2 là người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Dương Thành C có quan điểm như sau: Hành vi của bị cáo C đã được làm rõ, bị cáo C đã nhận thức được các nội D3 này và ăn năn hối cải về hành vi của mình.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo C, cụ thể: Thứ nhất, bị cáo C tích cực hợp tác với cơ quan tố tụng trong quá trình giải Q vụ án đáp ứng điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Thứ hai, bị cáo C có thành tích xuất sắc trong quá trình công tác và được nhận giấy khen của Công ty Cổ phần viễn thông FPT, đáp ứng điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Ngoài ra, bị cáo C có hoàn cảnh gia đình khó khăn, vợ chồng đã ly hôn, bị cáo nuôi 01 con gái, bố mẹ bị cáo cũng ly hôn, mẹ bị cáo bị tai biến Não lần; bố được tặng thưởng huân huy chương kháng chiến; bị cáo không có tình tiết tăng nặng TNHS.

Do bị cáo C được hưởng Nền tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, t, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo C 04 năm tù.

Về xử lý vật chứng: Chiếc điện thoại Iphone 11 promax màu xanh thu giữ của bị cáo C dùng ở giai đoạn chuẩn bị phạm tội, không phải là ở giai đoạn phạm tội. Lúc gọi H1 đến, C có ý thức là H1 phục vụ quán hát nên rủ H1 đến chứ không phải nói rõ là rủ H1 đến sử dụng ma túy. Đây không phải là công cụ phương tiện phạm tội. Do vậy, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 74, Điều 14 Bộ luật Hình sự để trả lại cho bị cáo C chiếc điện thoại đó.

- Kiểm sát viên tranh luận, đối đáp với luật sư bào chữa cho bị cáo C:

+ Luật sư đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự và xử phạt bị cáo C 04 năm tù là không có căn cứ, lý do: Bị cáo tích cực hợp tác với cơ quan điều tra là không có căn cứ, các bị cáo đều bị bắt về hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, bị cáo C khai báo thành khẩn về hành vi của bị cáo và của các bị cáo khác là trách Nệm của bị cáo. Giấy khen của Công ty chỉ áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Căn cứ vào hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS, nhân thân bị cáo, Viện kiểm sát đề nghị xử phạt bị cáo từ 07 năm đến 07 năm 03 tháng tù là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

+ Điện thoại thu giữ của bị cáo C dùng để liên hệ với các bị cáo, gọi nhân viên đến phục vụ các bị cáo chơi ma túy. Căn cứ lời khai của bị cáo C, lời khai của chị H1, biên bản kiểm tra điện thoại thì điện thoại của C dùng vào việc phạm tội do vậy cần tịch thu sung quỹ Nhà nước là có căn cứ pháp luật.

Luật sư H1 và Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm của mình. Các bên không có tranh luận gì thêm.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo xin được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quá định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố xét xử: Kể từ khi khởi tố vụ án hình sự,

trong giai đoạn điều tra, truy tố vụ án, HĐXX thấy Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, không có vi phạm gì. Tại giai đoạn xét xử sơ thẩm, Kiểm sát viên thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, không có hành vi, quyết định tố tụng nào vi phạm tố tụng.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo S, Đ, D, C thừa nhận hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã truy tố. Những lời khai của bị cáo Nguyễn Văn S, Lương Thành Đ, Nguyễn Văn D, Nguyễn Dương Thành C tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố; phù hợp với biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang; biên bản thu giữ, niêm phong vật chứng, biên bản khám xét, kết luận giám định, kết quả xét nghiệm; lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, người chứng kiến và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác đã điều tra thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Xét thấy đã có đủ cơ sở để kết luận:

Tối ngày 09/9/2021, Lương Thành Đ, Nguyễn Văn D, Nguyễn Dương Thành C cùng nhau thống nhất góp tiền C mua ma túy sau đó đến nhà nghỉthuê một phòng gọi nhân viên nữ đến cùng nhau sử dụng trái phép chất ma túy (bay sập). Sau khi thống nhất, Đ, C, D cùng nhau đến nhà nghỉ ở thôn TC, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang do Nguyễn Văn S, sinh 1992 ở cùng thôn quản lý. Đ đặt mua 3 viên ma túy loại tổng hợp MDMA (gọi là kẹo) và 02 chi ma túy loại Ketamine của người không biết tên địa chỉ đem đến nhà nghỉ cho Đ rồi cùng C, D vào thuê phòng 403 nhà nghỉ để sử dụng ma túy. Sau khi mua được ma túy, Đ nhờ nhân viên nhà nghỉ gọi Nguyễn Hoàng Thiên N, sinh năm 2002, ở thôn Nam Hải, xã Giao Phong, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định; Chu Hoài T4, sinh năm 2002, ở Thôn TM, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang; C điện thoại gọi PH Thị H3, sinh năm 2002, ở thôn Vân Hội, xã Phong Vân, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội đến nhà nghỉ vào phục vụ và cùng sử dụng trái phép chất ma túy. Đến hồi 02 giờ 30 phút ngày 10/9/2021, khi Đ - N, C - H1, D - T Đ2g cùng nhau sử dụng trái phép chất ma túy thì bị Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về Trật tự xã hội- Công an tỉnh Bắc Giang phát hiện đến bắt quả tang thu giữ tang vật bàn giao cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Y xử lý.

Nguyễn Văn S là quản lý nhà nghỉ, biết Lương Thành Đ, Nguyễn Văn D, Nguyễn Dương Thành C đến thuê phòng để sử dụng trái phép chất ma túy, nhưng vẫn đồng ý cho C, Đ, D thuê phòng 403 nhà nghỉ do mình Đ2g quản lý để Đ, C, D cùng Nguyễn Hoàng Thiên N; Chu Hoài T4; PH Thị H3 sử dụng trái phép chất ma túy.

Như vậy, Cáo trạng số 32/CT-VKSYD ngày 17/5/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn S về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm d, đ khoản 2 Điều 256 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Lương Thành Đ, Nguyễn Văn D, Nguyễn Dương Thành C về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét về nhân thân bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách Nhiệm hình sự:

- Nhân thân: Bị cáo S là người có nhân thân xấu, đã bị Tòa án xét xử Nều lần về các tội danh khác nhau. Các bị cáo Đ, D, C có nhân thân tốt, chưa bị xét xử về hình sự.

- Các tình tiết tăng nặng trách Nệm hình sự đối với các bị cáo: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách Nệm hình sự.

- Các tình tiết giảm nhẹ trách Nệm hình sự đối với các bị cáo: Các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên đều được áp dụng tiết giảm nhẹ trách Nệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo S là người khuyết tật nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách Nệm hình sự tại điểm p khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo C có bố đẻ tham gia kháng chiến được Nhà nước tặng thưởng huân, huy chương kháng chiến nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Luật sư H1 đề nghị áp dụng điểm t, v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo C là không có căn cứ, lý do : Các bị cáo đều bị bắt về cùng tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Việc bị cáo khai báo hành vi phạm tội của bản thân và các bị cáo khác là trách Nệm của bị cáo và bị cáo đã được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, không áp dụng được điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị C được. Luật sư đề nghị áp dụng điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là không đảm bảo quy định của pháp luật vì theo hướng dẫn tại Nghị Q số 01/2000/NQ-HĐTP ngày 04/8/2000 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định trong phần C của Bộ luật hình sự năm 1999 thì việc bị cáo C được tặng Nêu Giấy khen là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do vậy, không áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự để xem xét xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được.

- Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án: Đối với hành vi chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy của bị cáo S độc lập với hành vi phạm tội của các bị cáo khác, không có tính chất đồng phạm.

Đối với hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy của bị cáo Đ, D, C: Trong vụ án này các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội dưới hình thức đồng phạm giản đơn. Các bị cáo cùng rủ nhau đi mua ma túy và thuê phòng tại nhà nghỉ do S quản lý để sử dụng trái phép chất ma túy; bị cáo Đ có vai trò tích cực hơn 02 bị cáo D và C, bị cáo Đ là người mua ma túy cho các bị cáo sử dụng và nhờ nhân viên nhà nghỉ gọi nhân viên đến phục vụ và sử dụng ma túy cùng. Bị cáo C là cũng gọi các nhân viên đến cùng sử dụng ma túy với các bị cáo, bị cáo D là người nhận ma túy và chia ma túy cho mọi người sử dụng.

[4] Về tính chất hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, chỉ vì nhu cầu của bản thân đã xâm phạm chính sách độc quyền về quản lý của Nhà nước đối với chất ma túy. Hành vi chứa chấp sử dụng trái pháp chất ma túy, tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy của các bị cáo gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an của địa phương và sức khỏe của người khác, gây ảnh hưởng không tốt đến trật tự gia đình và xã hội; là nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm khác, là con đường lây lan của một số căn bệnh xã hội.

Căn cứ tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo đã thực hiện, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách Nhiệm hình sự, nhân thân các bị cáo, cần xử phạt các bị cáo mức án tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian dài, để giáo dục riêng đối với bị cáo và góp phần răn đe phòng ngừa tội phạm về ma túy nói C.

Hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính, đáng lẽ cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo, nhưng xét thấy, bị cáo S là người khuyết tật nặng dạng vận động, các bị cáo Đ, C, D đều không có tài sản và thu nhập riêng nên đề nghị miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

[5] Các vấn đề khác:

- Đối với Thân Văn H là người thuê lại nhà nghỉ của ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1971, ở Thôn L, xã T, huyện Y và tiến hành sửa chữa để làm dịch vụ kinh doanh lưu trú. Trong thời gian sửa chữa, H đã bảo S đến trông coi, quản lý nhà nghỉ. Việc S cho các đối tượng thuê phòng 403 để sử dụng ma túy H khai không biết. Đối với Trần Thị Tâm Đ4 và Lục Thị D3, khi thuê phòng 303 thì Đ2 và D3 khai chỉ thuê phòng để nghỉ; H không biết các đối tượng thuê phòng để sử dụng ma túy. Ngoài lời khai, không có các chứng cứ khác, nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý hình sự đối với Thân Văn H.

- Đối với Nguyễn Văn Q là người gọi Chu Hoài T4 đến nhà nghỉ, nhưng Q khai chỉ bảo T đến đó để phục vụ khách hát karaoke, không biết việc T đến đó để sử dụng ma túy trái phép, nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với Q.

- Đối với số ma túy mà Lương Thành Đ, Nguyễn Văn D và Nguyễn Dương Thành C cùng các nhân viên nữ sử dụng tại phòng 403 của nhà nghỉ, các đối tượng khai là do Nguyễn Văn S cung cấp. Nhưng S không thừa nhận. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y đã tiến hành đối chất giữa Lương Thành Đ, Nguyễn Văn D và Nguyễn Dương Thành C với Nguyễn Văn S nhưng không có kết quả. Ngoài lời khai không có chứng cứ khác nên không đủ căn cứ xử lý đối với S về hành vi mua bán trái phép chất ma túy, và hành vi cung cấp chất ma túy.

- Đối với Chu Hoài T4, PH Thị H3 và Nguyễn Hoàng Thiên N có hành vi sử dụng ma túy tại phòng 403, H1, T, N chỉ sử dụng ma túy do nhóm của Đ cung cấp, không cung cấp chất ma túy cho người khác. Trần Thị Tâm Đ4 và Lục Thị D3 cùng nhau góp tiền và thuê phòng 303 của nhà nghỉ để sử dụng ma túy, quá trình sử dụng ma túy không có ai khác sử dụng cùng. Do đó, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý hình sự mà đã ra Q định xử phạt vi phạm hành chính đối với các đối tượng là hoàn toàn có căn cứ.

- Đối với các tài sản thu giữ của Lục Thị D3 01 điện thoại di động, Trần Thị Tâm Đ4 01 điện thoại di động; PH Thị H3 01 điện thoại di động; 01 điện thoại di động của Chu Hoài T4; 01 chiếc điện thoại Iphone 6 của Nguyễn Hoàng Thiên N. D3, Đ2, H1, T đều khai, điện thoại bị thu giữ không liên quan đến vụ án, ngày 20/9/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y đã điện thoại nêu trên cho các chủ sở hữu là đúng với quy định của pháp luật.

[6] Về xử lý vật chứng:

- 01 (một) đĩa sứ màu trắng; 01 (một) ống hút được quấn từ tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng (hai mươi nghìn đồng) đều được niêm phong trong hộp cat-ton ký hiệu “303”, có đóng dấu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang; 01 (một) bình ga nhãn hiệu MAX Butane, màu đỏ, có gắn mỏ khò nhãn hiệu FLAME GUN;

- 01 (một) bình ga mi ni có gắn đầu khò nhãn hiệu MAX VINA;

- 01 (một) đĩa sứ màu trắng mặt đĩa có bảm dính chất tinh thể màu trắng; 01 (một) ống hút được quấn từ tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng (mười nghìn đồng); 01 (một) thẻ ngân hàng VPBank số 4541190113191024 đều được niêm phong trong hộp cat-ton ký hiệu “403” có đóng dấu màu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang;

Các vật chứng trên là công cụ các bị cáo sử dụng trực tiếp vào việc phạm tội, hiện không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 (một) cân điện tử (loại cân tiểu ly); 01 (một) túi ni lon trong có một số túi nhựa có rãnh khóa bằng nhựa thu tại phòng 201 của Nhà nghỉ, quá trình điều tra không xác định được của ai nhưng xét thấy các đồ vật trên không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 (một) loa nhãn hiệu harman/kardon, màu đen; 01 (một) dây nguồn cho loa; 01 (một) đèn (dạng đèn nháy) có chữ Power, màu đen; 01 (một) dây cáp nguồn cho đèn; 01 (một) loa nhãn hiệu harman/kardon, màu đen; 01 (một) đèn quay laser ánh sáng; 01 (một) dây cáp nguồn cho đèn là công cụ phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu xám, có số imei: 359235068810174 của Nguyễn Hoàng Thiên N không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên cần trả lại cho Nguyễn Hoàng Thiên N.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12, màu xanh, có số imei: 356594598283572 của bị cáo Lương Thành Đ là công cụ, phương tiện sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước;

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS max, có số imei: 357285094706376 của bị cáo Nguyễn Văn D là công cụ, phương tiện sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước;

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 promax của bị cáo Nguyễn Dương Thành C có số imei: 353897101127878 là công cụ, phương tiện bị cáo sử dụng việc phạm tội nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước;

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu hồng thu tại phòng 201 của Nhà nghỉ, anh Thân Văn H khai đó là điện thoại của anh H không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên cần trả lại cho anh Thân Văn H;

- 01 (một) căn cước công dân số 024098001183 mang tên Nguyễn Văn D không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên cần trả lại cho bị cáo D;

- 01 (một) căn cước công dân số 066090002630 mang tên Nguyễn Dương Thành C không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên cần trả lại cho bị cáo C.

Luật sư H1 đề nghị trả lại bị cáo C 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 promax là không có căn cứ vì căn cứ lời khai của bị cáo C, của chị H1, biên bản kiểm tra điện thoại thì đây là công cụ liên hệ thực hiện hành vi phạm tội do vậy cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước là có căn cứ pháp luật.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 12, 23 Nghị Q 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban tH1 vụ Quốc hội ngày 30/12/2016. Các bị cáo Lương Thành Đ, Nguyễn Văn D, Nguyễn Dương Thành C phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị cáo Nguyễn Văn S là người khuyết tật nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

[8] Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

- **Đối với bị cáo Nguyễn Văn S:** Căn cứ điểm d, đ khoản 2 Điều 256; điểm p, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S **07 năm 09 tháng tù** về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 11/9/2021.

- **Đối với bị cáo Lương Thành Đ:** Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lương Thành Đ **07 năm 03 tháng tù** về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 09/3/2022.

- **Đối với bị cáo Nguyễn Văn D:** Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D **07 năm tù** về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 09/3/2022.

- **Đối với bị cáo Nguyễn Dương Thành C:** Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Dương Thành C **07 năm tù** về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 09/3/2022.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (một) bình ga nhãn hiệu MAX Butane, màu đỏ, có gắn mỏ khò nhãn hiệu FLAME GUN;

+ 01 (một) đĩa sứ màu trắng; 01 (một) ống hút được quấn từ tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng (hai mươi nghìn đồng) đều được niêm phong trong hộp cat-ton ký hiệu “303”, có đóng dấu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang;

+ 01 (một) bình ga mi ni có gắn đầu khò nhãn hiệu MAX VINA;

+ 01 (một) đĩa sứ màu trắng mặt đĩa có bảm dính chất tinh thể màu trắng; 01 (một) ống hút được quấn từ tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng (mười nghìn đồng); 01 (một) thẻ ngân hàng VPBank số 4541190113191024 đều đượ niêm phong trong hộp cat-ton kí hiệu “403” có đóng dấu màu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang;

+ 01 (một) cân điện tử (loại cân tiểu ly)

+ 01 (một) túi ni lon trong có một số túi nhựa có rãnh khóa bằng nhựa;

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước:

+ 01 (một) loa nhãn hiệu harman/kardon, màu đen; 01 (một) dây nguồn cho loa; 01 (một) đèn (dạng đèn nháy) có chữ Power, màu đen; 01 (một) dây cấp nguồn cho đèn;

+ 01 (một) loa nhãn hiệu harman/kardon, màu đen; 01 (một) đèn quay laser ánh sáng; 01 (một) dây cấp nguồn cho đèn;

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12, màu xanh, có số imei: 356594598283572;

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS max, có số imei: 357285094706376;

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 promax, có số imei: 353897101127878.

- Trả lại Nguyễn Hoàng Thiên N 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu xám, có số imei: 359235068810174.

- Trả lại bị cáo Nguyễn Văn D 01 (một) căn cước công dân số 024098001183 mang tên Nguyễn Văn D.

- Trả lại bị cáo Nguyễn Dương Thành C 01 (một) căn cước công dân số 066090002630 mang tên Nguyễn Dương Thành C.

- Trả lại anh Thân Văn H 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu hồng.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23, Điều 12 Nghị Q 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH1 vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Lương Thành Đ, Nguyễn Văn D, Nguyễn Dương Thành C mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Văn S.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Báo cho các bị cáo có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Y;
- Công an huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Kim Dung